TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 258/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 18-11-2022
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Chí Nguyện.

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy và ông Lê Văn Bình.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nhung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;

Mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 07-01-2022 về việc: "Tranh chấp ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 245/2022/QĐXX-ST ngày 19-10-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2022/QĐ-HPT ngày 03-11-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà P.T.T.Hương, sinh năm 1983;

Địa chỉ nơi ở: Phòng 1518, Tòa nhà B.H Lucky 30 P.V.Đ, phường D.V.H, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Giấy Chứng minh nhân dân số 019183000025 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 19-12-2013.

Có mặt.

- Bị đơn: Ông B.A.Clive, sinh năm 1978;

Quốc tịch: Australia (Úc).

Hộ chiếu số PB1296594 do Cơ quan có thẩm quyền Australia cấp ngày 25-01-2019. Địa chỉ nơi ở hiện tại: Nhà số 7, ngõ 236 đường Â.C, phường Q.A, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Người phiên dịch cho ông B.A.Clive: Bà T.T.K.Hòa, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Nhà số 52 T.V, Tổ dân phố 14, phường T.V, quận N.T.L, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn là chị P.T.T.Hương trình bày:

Chị P.T.T.Hương kết hôn với anh B.A.Clive là tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 19-11-2019 tại Ủy ban nhân dân quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

Trước khi kết hôn, thì chị T.Hương và anh B.A.Clive đã quen biết nhau từ tháng 10-2017. Quá trình chung sống, anh Andrew thường xuyên uống rượu, đi bar, có qua lại với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 5-2020, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người sống ở 01 phòng trong nhà, kinh tế riêng biệt. Đến tháng 3-2022, anh Andrew đã chuyển đến sống tại nhà số 7 ngõ 236 đường Â.C, phường Q.A, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội. Từ đó đến nay, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau và không còn quan hệ gì với nhau nữa. Nay chị P.T.T.Hương xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hòa giải được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Andrew.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên chị T.Hương không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng đã tự thỏa thuận giải quyết nên chị Hương không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**** Bị đơn là anh B.A.Clive trình bày quan điểm:***

Anh B.A.Clive nhất trí về nội dung trình bày của chị P.T.T.Hương về quá trình tìm hiểu, kết hôn và thời gian vợ chồng sống ly thân.

Quá trình chung sống, anh Andrew thừa nhận có vấn đề mâu thuẫn như chị T.Hương trình bày. Tuy nhiên, anh Andrew vẫn còn tình cảm với chị Hương và không muốn ly hôn. Anh Andrew đã có hành động thay đổi, bỏ uống rượu, từ bỏ sở thích cá nhân nhưng chị Hương không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu xem xét.

Tại phiên tòa:

- Chị P.T.T.Hương giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có quan điểm: Vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa; mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Vợ chồng không có con chung cũng như con riêng; không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Anh B.A.Clive có quan điểm: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng tháng

8-2020; vợ chồng đã chấm dứt quan hệ từ tháng 3-2022. Anh vẫn còn yêu thương chị T.Hương nên mong muốn được đoàn tụ; nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn, thì anh cũng đồng ý.

Vợ chồng anh không có con chung và không ai có con riêng; giữa anh và chị T.Hương không có tài sản chung và không có nghĩa vụ chung về tài sản.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên tòa.

Về nội dung: Xét quan hệ vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài; vợ chồng không còn yêu thương và quan tâm, chăm sóc đến nhau; mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của chị P.T.T.Hương có căn cứ được chấp nhận. Căn cứ quy định tại Điều 51 và điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P.T.T.Hương và giải quyết cho chị T.Hương ly hôn anh B.A.Clive.

Về con chung: Các đương sự đều xác nhận vợ chồng không có con chùng và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự đều xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đề nghị ghi nhận việc chị Hương tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng.

Vụ án có một bên đương sự (bị đơn) là người nước ngoài, có Quốc tịch Australia (Úc) và đang sinh sống tại Hà Nội nên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Về tình cảm: Chị P.T.T.Hương kết hôn với anh B.A.Clive là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội ngày 19-11-2019 nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Các đương sự đều trình bày xác nhận: Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Andrew có thói quen sinh hoạt cá nhân cảm tính, không quan tâm đến cảm xúc của vợ, thể hiện: Thường xuyên uống rượu say; đi bar và có quan hệ không rõ ràng với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; vợ chồng đã sống ly thân và kinh tế độc lập từ tháng 5-2020. Từ tháng 3-2022, anh Andrew đã chuyển đến nơi khác sinh sống, mỗi người ở một nơi không còn quan hệ gì.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P.T.T.Hương và anh B.A.Clive đã trầm trọng kéo dài; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8-2020 đến nay không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau; mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị P.T.T.Hương xin được ly hôn anh Bowen Andew Clive là có căn cứ được chấp nhận.

Căn cứ quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P.T.T.Hương và giải quyết cho chị T.Hương được ly hôn anh B.A.Clive.

[2.2]. Về con chung: Các đương sự đều xác nhận vợ chồng không có con chung và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự đều xác định vợ chồng không có tài sản chung; không có nghĩa vụ chung về tài sản và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì chị P.T.T.Hương phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 464, Điều 469 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P.T.T.Hương. Chị P.T.T.Hương được ly hôn anh B.A.Clive.

2. Về con chung: Vợ chong không có con chung; các đương sự đều không yêu cầu xem xét giải quyết nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự đều xác định vợ chồng không có tài sản chung; không có nghĩa vụ chung về tài sản và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Giành quyền khởi kiện cho các bên đương sự nếu có tranh chấp phát sinh về chia tài sản chung hoặc nghĩa vụ chung về tài sản sau ly hôn (nếu có).

4. Về án phí sơ thẩm: Chị P.T.T.Hương phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000531 ngày 04-01-2022 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội. Ghi nhận chị P.T.T.Hương đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *VKSND thành phố Hà Nội;*
- *Cục THADS TP Hà Nội*
- *UBND quận Tây Hồ, TP. Hà Nội;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS + VP;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Chí Nguyện

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**